

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 2006.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038306028xxx, cấp ngày: 16/07/2025.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Viết H**, sinh năm: 2004.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038204003xxx, cấp ngày: 17/05/2021.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Viết H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Viết H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Viết H có 01 (một) con chung là cháu Trịnh Viết K, sinh ngày 31/01/2025. Chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Viết K, chị N tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Viết H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm việc thuận tình ly hôn với số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003620 ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Lê Văn Minh